



BSC WEEKLY REVIEW

Tuần 51 (18/12-22/12/23)

Canh mua ở kênh giá dưới của vùng tích lũy ngắn hạn

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Canh mua ở kênh giá dưới của vùng tích lũy ngắn hạn*
2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index chưa thoát khỏi vùng tích lũy sau đáy*
4. TIN VĨ MÔ: *FED dự báo có ít nhất 3 đợt giảm lãi suất (mỗi lần giảm 25bps) trong năm 2024*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông +8.80%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Canh mua ở kênh giá dưới của vùng tích lũy ngắn hạn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1102.30	-1.97%
GTGD/phiên (tỷ VND)	15,503.38	-25.75%
Khối ngoại (tỷ VND)	-3470.63	
HNX-INDEX	227.02	-1.81%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1753.31	-32.04%
Khối ngoại (tỷ VND)	154.77	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4719.19	-0.01%	2.49%	4.55%
EU (EURO STOXX)	4549.44	0.23%	0.58%	4.81%
China (SHCOMP)	2942.56	-0.56%	-0.91%	-3.66%
Japan (NIKKEI)	32970.55	0.87%	2.05%	-1.83%
Korea (KOSPI)	2563.56	0.76%	1.82%	3.79%
Singapore (STI)	3116.51	-0.21%	0.19%	-0.26%
Thailand (SET)	1391.03	0.88%	0.73%	-1.75%
Phillipines (PCOMP)	6478.44	1.06%	3.91%	4.29%
Malaysia (KLCI)	1462.45	0.43%	1.42%	0.12%
Indonesia (JCI)	7190.99	0.21%	0.44%	3.06%
Vietnam (VNIndex)	1102.30	-0.71%	-1.97%	0.10%

TTCK VIỆT NAM

TT suy yếu trong tuần khối ngoại đẩy mạnh bán ròng

Đi ngược với diễn biến TTCK thế giới, VN-Index giảm 1.9% trong tuần ETFs cơ cấu danh mục và khối ngoại đẩy mạnh bán ròng hơn 128 triệu USD. Các cổ phiếu BCs suy yếu kéo theo sự giảm mạnh của chỉ số cho dù sự phân hóa và vận động luân chuyển vẫn được duy trì. Thị trường có 70% cổ phiếu và 13/18 ngành giảm điểm. 10 ngành giảm trên 1% trong đó dẫn đầu là ngành tài chính (-2.8%) trong khi công nghệ thông tin và truyền thông tăng trên 1%. Khối ngoại đã thực hiện bán ròng trên 286 triệu USD kể từ đầu tháng và tập trung vào các cổ phiếu lớn đang làm suy thị trường, kéo theo tâm lý thận trọng của NĐT. Hoạt động bán ròng khối ngoại mang tính kỹ thuật và sẽ sớm cân bằng. NĐT tiếp tục cân nhắc tăng tỷ trọng cổ phiếu ở vùng giá thấp đón đầu xu hướng hồi phục trong năm 2024. ADB điều chỉnh tăng trưởng GDP Việt Nam từ 5.8% xuống còn 5.2% năm 2023 và dự báo tăng trưởng 6% năm 2024 do nhu cầu bên ngoài phục hồi yếu đã cản trở tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ và làm chậm quá trình phục hồi việc làm và tiêu dùng. ADB cũng dự báo lạm phát lần lượt 3.8% và 4% năm 2023 và 2024. Trước đó, UOB cũng dự báo GDP tăng 5% trong 2023. Hoạt động kinh tế đã ổn định và cải thiện rõ rệt so với nửa đầu năm. UOB cũng dự báo SBV duy trì lãi suất tái cấp vốn ở mức 4.5% và VND có thể đã chạm đáy. Tốc độ tăng trưởng không như kỳ vọng tuy nhiên nền tảng ổn định vĩ mô tiếp tục được củng cố. Fitch ratings nâng hạng tín nhiệm từ BB lên BB+ với triển vọng ổn định. Nâng hạng lần này phản ánh triển vọng tăng trưởng trung hạn thuận lợi và củng cố thêm bởi dòng vốn FDI mạnh mẽ.

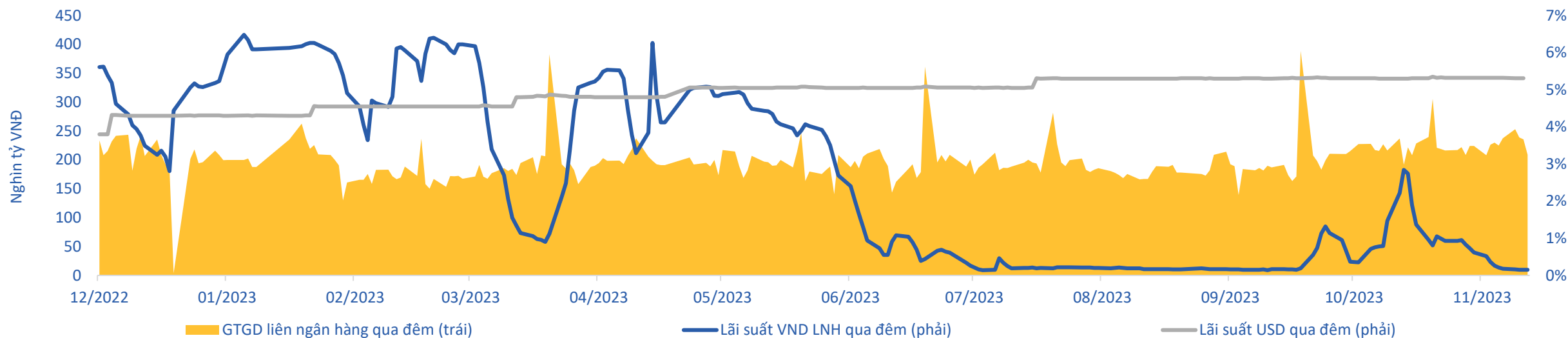
TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ đạt đỉnh kỷ lục mới trước dữ liệu vĩ mô và thông điệp từ FED

Doanh số bán lẻ tăng củng cố niềm tin kinh tế Hoa Kỳ hạ cánh mềm cùng với thông điệp từ FED trước đó đã giúp các chỉ số CK tăng mạnh bình quân 4% trong tuần. Chỉ số DJ lập đỉnh kỷ lục trong khi lợi tức TP 10 năm giảm dưới 4%. Diễn biến tích cực cũng lan tỏa trên các TTCK khác. Chỉ số EU600 và Nikkei 225 tăng lần lượt 1.7% và 2.1%. CSI 300 và VN-Index là một trong thị trường hiếm hoi giảm điểm. Chỉ số DXY giảm mạnh -1.9% khi đón nhận thông tin từ FED, kéo theo sự tăng giá của nhiều đồng tiền khác như EUR, JPY và GBP. USD giảm giá cũng khiến các kim loại và kim loại quý tăng giá mạnh (vàng +1.7%, bạc +4.9%, Nhôm +3.9%, Chì +3.2% và Kẽm +4.1%). Cuộc họp chính sách FED, ECB, BOE đều hàm chứa thông điệp lãi suất đã ở vùng đỉnh và các thị trường sẽ giao dịch hướng theo kỳ vọng trong năm 2024. FED giữ nguyên lãi suất lần thứ 3 liên tiếp tại kỳ họp tháng 12/2023 ở mức 5.25%-5.5%. Các thành viên FOMC dự báo có ít nhất 3 đợt giảm lãi suất năm 2024 với giả định mỗi lần 0.25% cũng như dự báo tăng trưởng GDP năm 2023 và 2024 lần lượt ở mức 2.6% và 1.4%. FOMC cho biết lạm phát đã hạ nhiệt nhưng áp lực giá cả còn lớn trong khi nhấn mạnh nền kinh tế tăng trưởng chậm lại. FED không loại bỏ khả năng tiếp tục tăng lãi suất và sẵn sàng tăng nếu lạm phát tăng tốc. Dù vậy, phần lớn thành viên cho biết họ có thể kiên nhẫn để quan sát tác động các đợt thắt chặt chính sách tới nền kinh tế Hoa Kỳ. Mặc dù vẫn dữ nguyên lãi suất, cuộc họp tháng 12 khác biệt so các kỳ họp trước khi FED đã bàn về thời điểm cắt giảm lãi suất dù vẫn chưa hết thận trọng về lạm phát.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.15%	0.38%	0.49%	1.08%	3.24%	5.10%	6.05%
So với tuần trước	-0.00%	0.03%	-0.02%	0.02%	-0.30%	-0.15%	-0.24%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	240,024.33	13,278	1,815	8,337	2,328	121	14
So với tuần trước	2.47%	-21.76%	-69.43%	62.28%	29.27%	-55.90%	150.00%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 13/12/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi trong tuần với thanh khoản giảm.

PTKT VN-INDEX: VN-Index chưa thoát khỏi vùng tích lũy sau đáy

Đồ thị ngày: Vận động tích lũy chặt của VN-Index bị phá vỡ với 1 phiên chỉ hướng giảm 13/12. Chỉ số sau đó có thêm 2 phiên giảm điểm giảm dưới SMA20. Với những phiên giảm điểm liên tiếp, VN-Index cũng đã phá vỡ mô hình tích lũy ascending triangle và quay lại mô hình tích lũy hộp. Các chỉ báo kỹ thuật giảm và chưa cho thấy khả năng sớm thoát khỏi vùng tích lũy.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 56 xuống 46 điểm.
- MACD cắt đường tín hiệu trừ trên xuống nhưng vẫn giữ trên mức 0. Thanh khoản giảm 30% so tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA20, SMA 50, 100 và 200

Kết luận: Diễn biến VN-Index trở xấu khi chỉ số có những phiên giảm mạnh xuyên qua SMA200 và 20 trong tuần qua. Mô hình ascending triangle phá vỡ, VN-Index quay lại vùng tích lũy rộng theo mô hình hộp có kênh giá trên và dưới lần lượt tại 1,130 điểm và 1,087 điểm. Quá trình tích lũy còn kéo dài và lưu ý phản ứng giá tại vùng hỗ trợ của kênh giá cho hoạt động trading ngắn hạn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: FED dự báo có ít nhất 3 đợt giảm lãi suất (mỗi lần giảm 25bps) trong năm 2024

VIỆT NAM:

- Hội đàm cấp cao giữa Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình: Các ban, bộ, ngành, địa phương hai nước đã ký kết 36 văn bản thỏa thuận hợp tác trên nhiều lĩnh vực.
- UBTVQH: UBTVQH sẽ xem xét đề nghị bổ sung một số Dự án Luật vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024, trong đó có Dự án Luật Thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi), trong đó sẽ cân nhắc việc áp thuế VAT 5% với phân bón và vật tư nông nghiệp.
- Quốc hội: Theo Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Quốc hội có thể họp kỳ họp bất thường vào trung tuần tháng 1/2024 để xem xét một số dự luật và vấn đề quan trọng khác.
- Chính phủ: tại Công điện số 1360/CP-TTg ngày 13/12/2023 Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với NHNN Việt Nam, Bộ KH&ĐT và các cơ quan liên quan quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cần thiết để nâng hạng TTCK Việt Nam trong thời gian sớm nhất; kịp thời, chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.
- Bộ Tài chính: Thu ngân sách Nhà nước 11 tháng 2023 đạt 1.54 triệu tỷ đồng, bằng xấp xỉ 95% dự toán và tổng chi cân đối ngân sách ước khoảng 1.5 triệu tỷ đồng, bằng 72% dự toán.
- Ngày 13/12/2023, nhóm ngân hàng quốc doanh tiếp tục giảm mạnh lãi suất tiết kiệm. So với cùng thời điểm năm ngoái, lãi suất tiết kiệm tại nhóm ngân hàng quốc doanh gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank đã giảm từ 2% đến 3%. Còn tại một số ngân hàng tư nhân, lãi suất giảm lên tới 4-5% so với cuối năm ngoái.
- Bộ Tài chính: dự kiến từ nay đến cuối năm sẽ hoàn thành việc đàm phán, ký kết 12 hiệp định, thỏa thuận vay vốn ưu đãi nước ngoài, với tổng trị giá ký kết khoảng 1.25 tỷ USD.

THẾ GIỚI:

- FED: các quan chức trong Ủy ban Thị trường Mở Liên bang Mỹ (FOMC) nhất trí giữ nguyên lãi suất ở vùng 5.25%-5.5 – đúng như dự báo.
- FED: dự báo có ít nhất 3 đợt giảm lãi suất (mỗi lần giảm 25bps) trong năm 2024 - con số này thấp hơn dự báo có tới 4 lần giảm 25 điểm cơ bản của thị trường, nhưng đã quyết liệt hơn so với dự báo của Fed tại cuộc họp tháng 9/2023. Theo biểu đồ dot-plot, các thành viên FOMC dự báo có thêm 4 đợt giảm lãi suất (tương đương 100 bps) trong năm 2025 và thêm 3 đợt giảm trong năm 2026, từ đó đưa lãi suất về phạm vi 2%-2.25%.
- Hoa Kỳ: Lãi suất trung bình của khoản thế chấp cố định thời hạn 30 năm ở mức 6.95% tính đến ngày 14/12, mức thấp nhất kể từ tháng 8, giảm tuần thứ bảy liên tiếp. Sự sụt giảm này phản ánh sự sụt giảm kéo dài của lợi suất trái phiếu kho bạc dài hạn trong những tuần gần đây, phù hợp với kỳ vọng về việc FED sẽ cắt giảm lãi suất nhiều lần vào năm 2024.
- Hoa Kỳ: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng đúng như dự báo trong tháng 11/2023, qua đó càng củng cố khả năng Fed giữ nguyên lãi suất trong tháng này. Cụ thể, Trong tháng 11, CPI tăng tăng 3.1% so với cùng kỳ, khớp với dự báo của các chuyên gia và thấp hơn mức 3.2% của tháng trước đó.
- Châu Âu: NHTW châu Âu (ECB) duy trì lãi suất ở mức cao nhất trong nhiều năm trong cuộc họp thứ hai liên tiếp và báo hiệu kết thúc sớm kế hoạch mua trái phiếu cuối cùng. Lãi suất hoạt động tái cấp vốn chính vẫn ở mức cao nhất trong 22 năm là 4.5%, trong khi lãi suất cơ sở tiền gửi giữ ổn định ở mức kỷ lục mọi thời đại là 4%.
- Anh: NHTW Anh (BoE) tiếp tục duy trì lãi suất chuẩn ở mức cao nhất trong 15 năm là 5.25% lần thứ ba liên tiếp trong cuộc họp tháng 12, phù hợp với nỗ lực của các nhà hoạch định chính sách nhằm chống lạm phát. 6 thành viên bỏ phiếu duy trì lãi suất trong khi có 3 thành viên ủng hộ cho việc tăng lãi suất thêm 25bps.

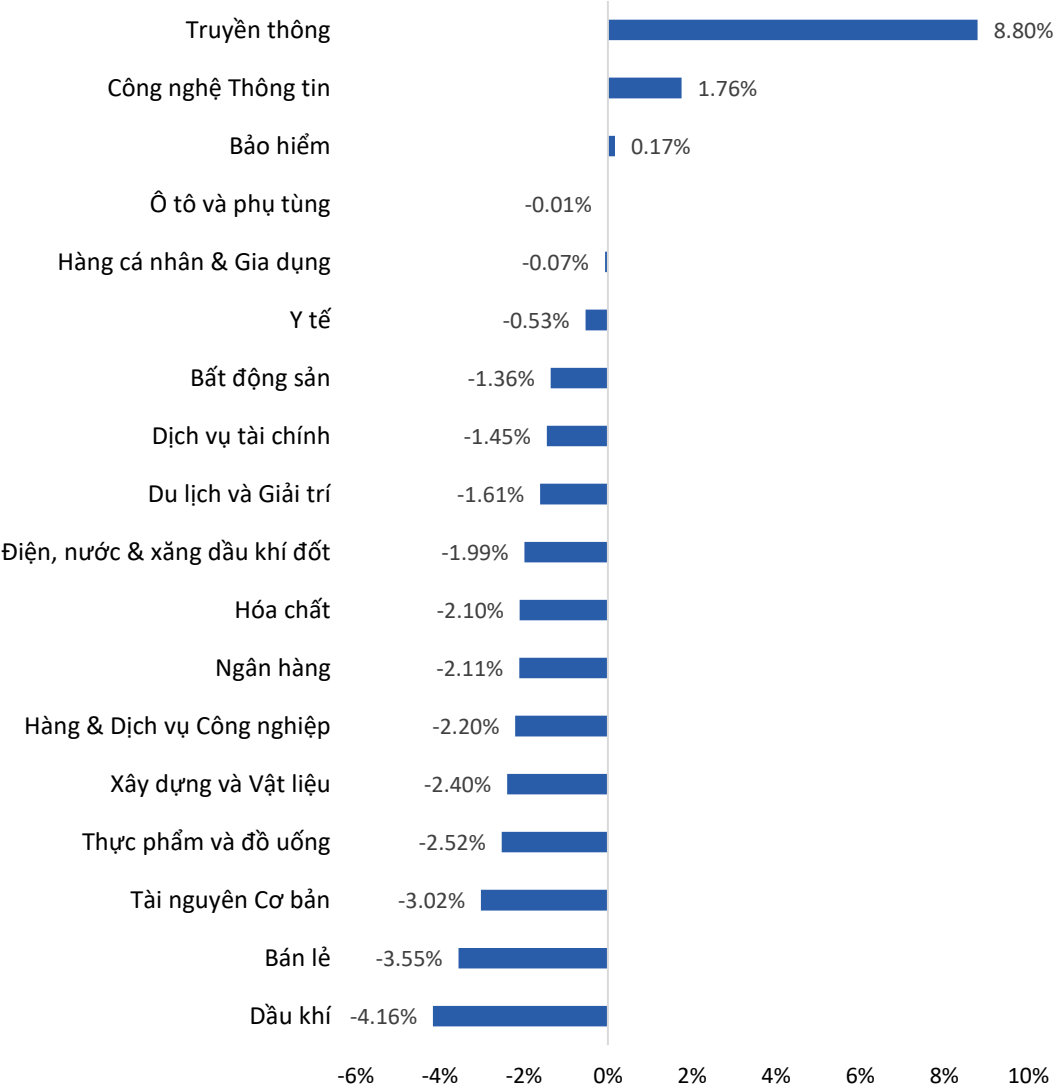
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các dự báo kinh tế vĩ mô và triển vọng Việt Nam năm 2023;
- Hoạt động bán của khối ngoại trong quá trình kiểm tra kênh dưới của vùng tích lũy;
- 18/12, Báo cáo môi trường kinh doanh EU. 19/12, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOJ; CPI Canada và EU; Giấy phép xây dựng Hoa Kỳ. 20/12, Lãi suất khoản vay 1 và 5 năm của Trung Quốc; CPI Anh; Chỉ số niềm tin tiêu dùng và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 21/12, Doanh thu bán lẻ Canada; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và GDP Q3 công bố lần cuối Hoa Kỳ. 22/12, Doanh thu bán lẻ và GDP công bố lần cuối Anh; Đơn hàng hóa lâu bền và Doanh số xây dựng mới Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Truyền thông	4.81%	8.80%	16.30%	YEG	-8.60%		
Công nghệ Thông tin	-0.06%	1.76%	4.17%	FPT	0.00%	CMG	-0.33%
Bảo hiểm	-0.89%	0.17%	-1.14%	BVH	2.28%	PVI	1.12%
Ô tô và phụ tùng	1.50%	-0.01%	1.36%	VEA	3.31%	0	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.41%	-0.07%	0.68%	TCM	1.10%	TNG	2.33%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	71.43	-0.21%	0.28%	-6.06%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	76.55	-0.08%	0.94%	-4.91%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	213.7	0.86%	4.25%	-0.81%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2019.62	-0.82%	0.75%	1.96%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.8556	-1.36%	3.72%	0.58%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1331.5	-0.04%	0.64%	-1.84%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	629.25	2.19%	-0.40%	9.29%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.9	-2.09%	-2.69%	-5.30%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	238.1	0.80%	0.25%	-11.68%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	21.99	-0.86%	-5.86%	-19.09%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	189.3	-0.68%	6.86%	13.59%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8549	-0.03%	1.19%	3.41%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3932	-0.38%	-2.55%	-0.96%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2247.5	1.70%	5.32%	1.84%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	943	-0.53%	-1.62%	2.89%		HPG
Than đá	USD/MT	142.75	-0.87%	-7.09%	11.87%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4047	-0.49%	-2.27%	0.57%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VIC	0.02%	0.72
FPT	0.02%	0.64
ACB	0.02%	0.34
VHM	0.01%	0.27
HAG	0.07%	0.21
HDB	0.01%	0.18
LGC	0.04%	0.10
TMS	0.06%	0.10
VCF	0.05%	0.07
HCM	0.02%	0.06
Tổng		2.69

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-0.03%	-3.94
VPB	-0.05%	-1.80
HPG	-0.03%	-1.32
MSN	-0.05%	-1.15
GAS	-0.02%	-0.93
SAB	-0.04%	-0.90
BCM	-0.05%	-0.78
MWG	-0.04%	-0.68
STB	-0.04%	-0.52
BID	-0.01%	-0.51
Tổng		-12.53

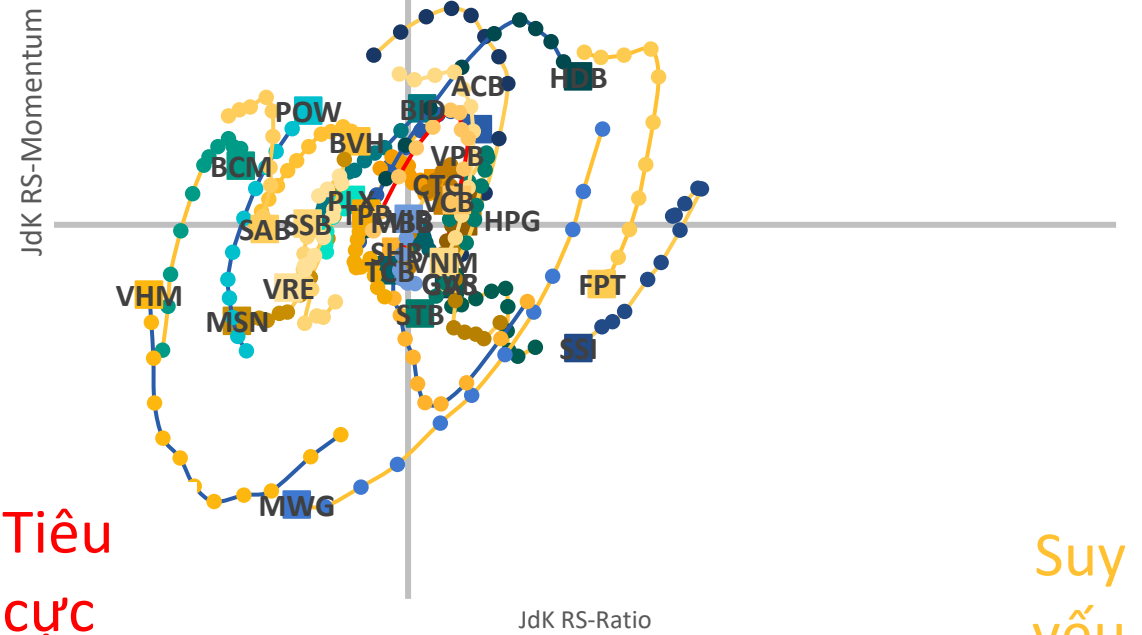
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
CEO	146.94	17.17
IDC	136.76	1.49
NVL	116.85	3.44
VND	111.89	22.84
BSR	14.61	0.94
NKG	14.47	9.63
NLG	12.68	41.66
CMG	11.71	42.47
FRT	11.01	35.50
DGW	7.26	22.81
Tổng	584.19	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-287.00	24.81
SSI	-177.16	
DGC	-142.27	16.44
VCB	-134.33	23.53
FUEVFN	-104.84	
MSN	-77.96	29.34
KBC	-67.98	21.00
SHS	-56.96	12.02
VCI	-53.07	22.16
STB	-48.91	23.50
Tổng	-1150.49	

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	103.9553	102.5493
BID	100.8204	103.1076
CTG	101.7215	101.103
HDB	109.6174	103.9606
HPG	103.3613	100.5424
MBB	103.1285	100.0851
VCB	102.2593	100.6402
VIB	100.0616	100.1531
VJC	108.5698	104.8604
VPB	102.7779	100.6557
BCM	90.57423	101.5767
BVH	97.09875	102.2218
PLX	96.781	100.6583
POW	94.3783	103.0472
SSB	94.34001	100.0265
TPB	97.64611	100.2872
FPT	110.9634	98.40776
GAS	102.3411	98.41
GVR	102.3708	98.44898
SSI	109.6421	96.69543
STB	100.6892	97.62002
VNM	102.0472	98.99633
MSN	90.35858	97.42042
MWG	93.7335	92.5099
SAB	91.92578	99.87869
SHB	99.35999	99.27452
TCB	98.97082	98.77717
VHM	85.38648	98.12851
VIC	87.72515	97.91823
VRE	93.25813	98.31465

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

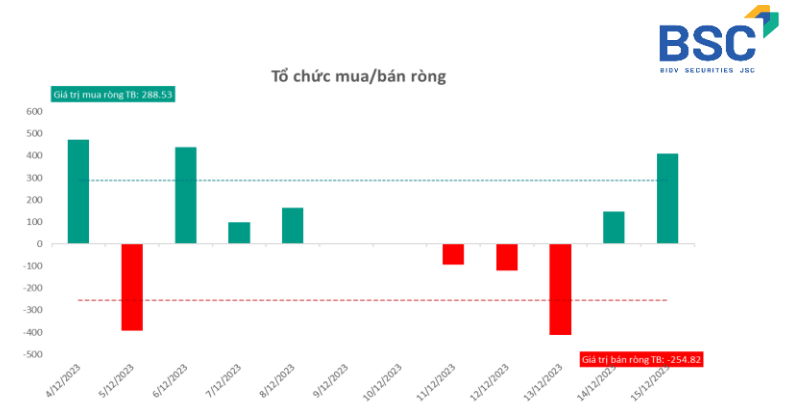
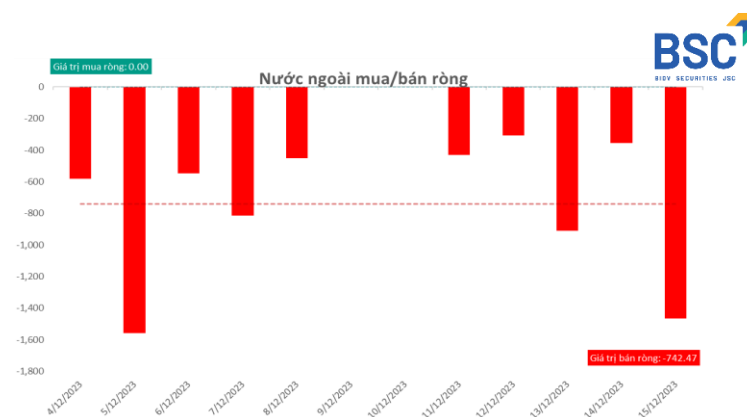
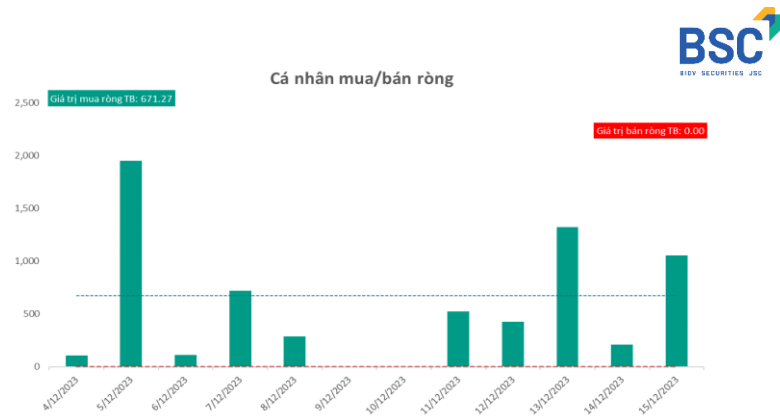
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEVFNVD	13,316,000	339.86	TCB	4,814,500	-155.77	VND	10,047,001	220.09	FUEVFNVD	16,440,220	-418.23	STB	12,983,900	359.40	VND	11,411,601	-250.49
HPG	3,753,200	102.99	STB	2,904,200	-80.66	NVL	7,892,215	134.19	HPG	13,621,695	-368.00	OPC	11,134,100	266.49	PET	6,158,949	-165.41
VNM	499,800	34.11	KOS	1,575,000	-65.86	NKG	1,813,939	41.89	VCB	3,082,945	-264.72	VCB	3,182,803	265.44	ACB	5,646,783	-127.68
FUESSVFL	1,385,900	25.95	PNJ	611,300	-49.07	CMG	777,252	30.24	STB	9,511,200	-262.94	VNM	3,622,508	250.39	NVL	6,553,032	-111.01
VIC	523,800	22.75	MWG	910,900	-38.68	BCM	350,500	21.09	VNM	3,791,868	-261.33	VPB	12,071,225	230.98	MBB	4,016,835	-72.91
HAH	599,962	21.93	FPT	334,507	-32.26	HDB	789,657	14.89	VPB	11,005,624	-211.29	SSI	6,997,559	223.90	NKG	1,826,439	-42.28
VND	946,100	20.95	GMD	380,900	-26.25	VHC	159,300	13.23	SSI	6,317,657	-201.89	MSN	2,709,961	175.44	HDB	1,489,569	-28.29
VCB	194,085	16.27	HSG	663,900	-14.16	VJC	113,699	12.49	MSN	2,286,661	-147.35	EIB	9,061,338	169.52	VJC	250,899	-27.10
VJC	125,300	13.35	REE	238,733	-13.79	PC1	406,800	11.47	VCI	3,386,686	-139.25	KBC	4,503,131	141.25	VIC	563,461	-24.76
PDR	479,500	12.78	TPB	690,002	-13.19	BFC	407,500	10.29	KBC	4,270,931	-134.14	VCI	3,015,786	123.51	HAH	601,550	-21.91

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	82.2	-2.60%	0.60	18,923.00	8.60	5,797.00	14.20	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	41.5	-0.20%	1.00	9,744.00	1.00	4,025.00	10.30	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	18.7	-1.60%	1.00	6,111.00	9.30	1,727.00	10.80	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	30.6	0.20%	1.20	4,440.00	2.70	5,059.00	6.00	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18	0.00%	1.20	3,876.00	4.10	3,496.00	5.20	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	27.1	0.00%	1.00	2,104.00	14.40	3,600.00	7.50	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	19.9	0.30%	1.80	3,279.00	0.80	714.00	27.90	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	30.7	-1.00%	1.60	971.00	8.30	4,368.00	7.00	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	50.5	-1.40%	1.40	686.00	5.40	3,969.00	12.70	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	52.9	-1.10%	1.70	977.00	1.40	2,651.00	20.00	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.8	-0.90%	1.40	6,419.00	38.30	(328.00)	-81.70	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	39.9	-1.00%	1.30	7,156.00	11.20	10,341.00	3.90	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	-1.30%	1.20	2,110.00	4.00	1,588.00	14.20	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	30.4	-1.00%	1.30	999.00	1.70	1,280.00	23.70	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	35.7	-0.40%	1.20	566.00	3.00	1,582.00	22.60	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	93.3	-1.80%	1.30	1,459.00	10.20	10,728.00	8.70	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	32.8	-1.40%	1.00	528.00	2.10	6,403.00	5.10	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	31.5	-1.30%	1.40	687.00	2.80	4,286.00	7.40	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	76	-1.20%	0.70	7,189.00	2.50	5,567.00	13.70	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	34.3	-0.10%	1.00	1,795.00	0.60	2,125.00	16.10	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	37.5	-0.50%	1.10	738.00	7.00	1,953.00	19.20	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27	-0.70%	1.00	618.00	3.10	449.00	60.10	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.90%	0.90	1,080.00	3.20	602.00	18.60	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	68.1	-0.40%	0.70	5,862.00	10.50	3,935.00	17.30	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	63	-3.10%	1.60	3,713.00	10.90	916.00	68.80	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	40.8	-2.00%	1.40	2,454.00	15.70	1,069.00	38.10	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.2	-0.50%	0.70	1,070.00	2.00	5,503.00	14.40	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	72.9	-1.10%	0.80	562.00	2.80	7,080.00	10.30	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	68	-0.30%	0.90	857.00	2.00	7,470.00	9.10	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	96.2	0.00%	0.80	5,032.00	5.80	4,573.00	21.00	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	26.7	-0.20%	1.00	5,906.00	4.40	3,664.00	7.30	1.10	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	22.8	1.10%	0.90	3,639.00	5.80	3,722.00	6.10	1.40	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	19	0.50%	0.70	2,264.00	5.70	2,765.00	6.90	1.40	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.7	0.30%	0.90	1,654.00	1.00	1,410.00	11.10	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	18.8	-0.50%	1.20	1,964.00	1.40	3,534.00	5.30	1.40	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	21.8	1.60%	2.00	1,094.00	34.10	467.00	46.70	1.80	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17	0.30%	1.10	1,537.00	2.40	2,697.00	6.30	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	31.8	-0.60%	1.60	1,964.00	26.00	1,090.00	29.20	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	16.7	-0.90%	1.80	219.00	3.90	318.00	52.50	6.70	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.9	0.00%	1.90	-	0.60	445.00	26.70	1.20	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	62	-0.20%	1.30	253.00	2.50	681.00	91.00	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.1	0.30%	1.60	256.00	3.10	919.00	16.40	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	-0.40%	1.60	94.00	2.00	482.00	24.90	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	62	-2.70%	0.80	2,643.00	1.10	418.00	148.40	3.60	2.70%	1.70%
HUT	KCN	19.5	-0.50%	1.80	717.00	5.60	56.00	345.10	4.80	2.00%	1.30%
PHR	KCN	47.3	-0.20%	1.30	264.00	0.20	6,568.00	7.20	1.80	15.40%	26.90%
SZC	KCN	41.9	-0.10%	1.80	207.00	1.70	1,405.00	29.80	3.10	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	20.8	-0.70%	1.90	529.00	7.90	(2,105.00)	-9.90	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12	-0.40%	1.40	189.00	0.30	176.00	68.50	1.00	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	23.2	2.00%	2.00	252.00	7.00	(2,655.00)	-8.80	1.20	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	58	0.70%	0.50	160.00	0.10	5,309.00	10.90	1.40	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	25.7	-1.50%	1.70	81.00	0.90	1,482.00	17.30	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	16.9	3.70%	1.70	1,357.00	26.80	(295.00)	-57.20	0.80	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	18.6	2.20%	2.20	547.00	8.70	(317.00)	-58.90	0.80	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	31.9	0.30%	1.60	178.00	2.50	2,190.00	14.60	2.30	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	25.2	0.40%	2.10	633.00	19.50	152.00	165.50	2.00	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14	-1.10%	1.60	146.00	0.90	1,597.00	8.80	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.5	0.50%	1.40	-	3.20	1,596.00	11.60	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	25.3	0.00%	0.70	337.00	2.60	2,993.00	8.50	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	31.6	-1.90%	1.30	105.00	0.20	1,353.00	23.40	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	23.8	3.00%	0.90	116.00	0.40	1,980.00	12.00	1.60	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	56.7	-0.70%	0.70	954.00	1.20	6,445.00	8.80	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	22.2	-0.40%	2.10	780.00	14.30	384.00	57.90	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.1	0.00%	0.60	286.00	0.30	2,560.00	9.40	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	27.8	-0.20%	1.40	351.00	1.50	2,739.00	10.20	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	27.4	0.00%	1.60	350.00	1.00	944.00	29.00	1.30	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.1	0.00%	0.60	184.00	0.10	636.00	20.60	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.9	-0.60%	2.20	196.00	1.60	(79.00)	-113.60	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	62.8	-0.30%	0.80	3,318.00	2.20	3,518.00	17.90	3.30	62.30%	18.70%
QNS	F&B	44.2	-0.20%	0.40	-	0.70	4,965.00	8.90	2.00	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	100.8	0.80%	0.80	566.00	0.90	(327.00)	-308.00	8.60	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	50.7	1.80%	1.60	349.00	2.10	2,984.00	17.00	3.80	23.60%	21.90%
DBC	F&B	25	1.60%	1.90	253.00	7.30	551.00	46.10	1.30	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	26.2	-0.60%	1.50	115.00	0.40	837.00	31.30	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.4	0.00%	0.00	150.00	2.40	1,225.00	20.70	2.10	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	30.3	-0.80%	1.60	166.00	1.10	2,162.00	14.00	1.50	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	29	-0.20%	1.00	160.00	0.50	1,370.00	21.20	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	35.6	-0.60%	1.50	155.00	2.10	5,742.00	6.20	1.20	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	87.6	-1.10%	1.00	413.00	1.00	4,238.00	20.70	6.10	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	19.6	-1.00%	1.40	92.00	1.00	2,353.00	8.30	1.50	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

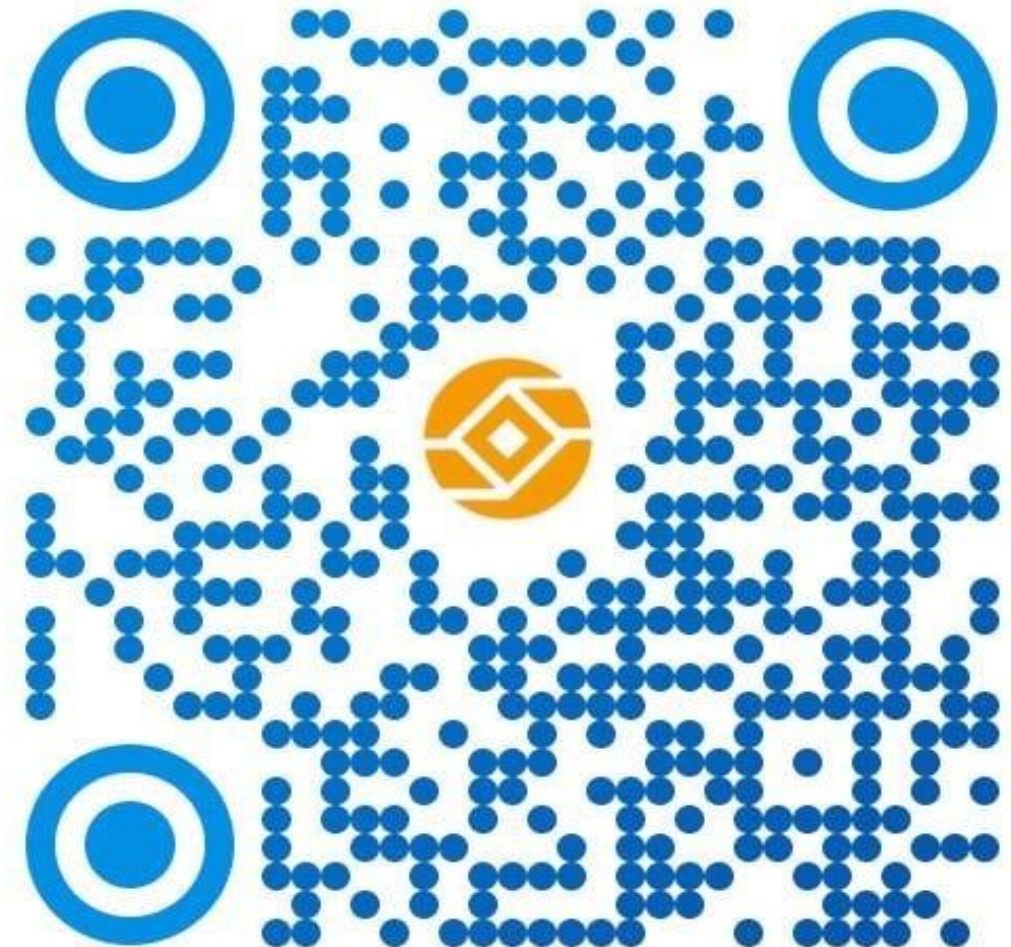
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký